TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/DS-PT
Ngày: 29/6/2018
V/v: "*Yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp, chia di sản thừa kế, tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Bùi Văn Bình
Các thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh
Bà Nguyễn Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2018/TLPT-DS ngày 09/03/2018 về việc: "*Yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp, chia di sản thừa kế, tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện D, tỉnh Hà Nam
Đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị L:
Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967. (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Tường Thụy 2, xã Tr, huyện D , tỉnh Hà Nam.
Ông Nguyễn Văn Kh , sinh năm 1988. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện D, tỉnh Hà Nam.
(Giấy ủy quyền ngày 02/10/2017)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kim Ph , sinh năm 1977. (Có mặt).
Địa chỉ: Tổ 01, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Chị Nguyễn Thị Yến L , sinh năm 1998. (Có mặt).
Địa chỉ: Tổ 01, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp cho Chị Nguyễn Thị Yến L là Luật sư Hoàng Minh Q thuộc Văn phòng luật sư Hoàng Minh, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1950. (Vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1952. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 112/7/5, đường Đ, phường 1, quận B , thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 112/7/3, đường Đ, phường 1, quận B , thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M có bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1960, Địa chỉ: A11/4A, đường 385, khu phố 02, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 21/4/2014) (Có mặt).

- Ông Lê Quang Th , sinh năm 1956. (Có mặt).
- Bà Hoàng Thị M , sinh năm 1959. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Th, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1959. (Có mặt).
- Bà Phạm Thị B , sinh năm 1969. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Văn D , sinh năm 1966. (Có đơn xin vắng mặt).
- Ông Trần Vũ M , sinh năm 1971. (Vắng mặt).
- Ông Lê Thành Tr , sinh năm 1976. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- UBND huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Nhật T , chức vụ: Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Gia H , chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện L. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Yến L .

5. *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L, người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị L là Ông Nguyễn Văn Kh , Nguyễn Văn M trình bày:

1.Về mối quan hệ giữa Bà Nguyễn Thị L – ông Nguyễn Đình Ch, thân nhân của ông Nguyễn Đình Ch :

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình Ch (tên gọi khác: Nguyễn Văn Chi, Thanh Hà) tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 20/3/1965. Tại thời điểm đó, ông Nguyễn Đình Ch là cán bộ Phòng giáo dục đào tạo huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Ninh cũ, còn Bà Nguyễn Thị L là giáo viên Trường Thành Công thuộc xã Thành Công (nay là xã Tr, huyện D , tỉnh Hà Nam). Việc kết hôn được thực hiện theo phong tục tập quán, đồng thời có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban hành chính xã Thành Công (nay là xã Trác Văn), do ông Nguyễn Hồng Lộc - Ủy viên văn phòng, kiêm Ủy viên Tư pháp Ủy ban hành chính xã Thành Công thực hiện, sau đó có cấp cho ông Ch , bà L giấy chứng nhận kết hôn trong cùng ngày 20/3/1965. Việc đăng ký kết hôn này đã được ông Nguyễn Hồng Lộc xác nhận.

Sau khi kết hôn, ông Ch, bà L tiếp tục công tác giáo dục tại địa phương. Đến khoảng tháng 6/1965, ông Nguyễn Đình Ch được lệnh nhập ngũ, đi chiến đấu tại chiến trường miền Nam (thường được gọi là chiến trường B), còn bà L vẫn tiếp tục công tác tại Trường cấp 1 Thành Công. Sau khi kết hôn, bà L mang thai người con thứ nhất, đến năm 1966, bà L sinh được người con đầu tên là Nguyễn Thị Lý, nhưng chị Nguyễn Thị Lý đã mất do bị bệnh nặng vào năm 1966.

Sau khi giải phóng, ông Nguyễn Đình Ch về tại địa phương thăm gia đình, Bà Nguyễn Thị L mang thai người con thứ hai tên là Nguyễn Thị Hòa, sau khi sinh được 24 tháng thì phát hiện chị Hòa bị bại não do ảnh hưởng của chất độc da cam khi ông Ch chiến đấu tại chiến trường miền Nam. Sau khi mang thai chị Nguyễn Thị Hòa thì ông Nguyễn Đình Ch được điều động công tác tại tỉnh Sông Bé, bà L ở nhà tiếp tục chăm con và công tác tại địa phương. Đến ngày 24/5/1991 thì chị Nguyễn Thị Hòa qua đời. Chị Nguyễn Thị Hòa không được hưởng chế độ chính sách gì đối với người bị nhiễm chất độc da cam/điôxin.

Hiện nay, giấy chứng nhận kết hôn của bà L và ông Ch , giấy khai sinh, khai tử của chị Nguyễn Thị Lý, chị Nguyễn Thị Hòa đều không còn do thiên tai, địch họa.

Thân nhân của ông Nguyễn Đình Ch có cha là ông Nguyễn Văn Thu, chết trước khi ông Ch , bà L kết hôn; mẹ là Lê Thị Châm (không nhớ năm sinh), chết ngày 09/11/1969; vợ là Bà Nguyễn Thị L cùng hai con Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Hòa (đều đã chết); anh trai là ông Nguyễn Văn Bút (không nhớ năm sinh) nhưng bị tàn tật, bị bệnh động kinh, không vợ con do bà L nuôi dưỡng từ khi kết hôn đến khi ông Bút chết ngày 17/12/1991; em trai là Nguyễn Văn Son (đã chết 1978, hiện nay có 03 người con là Nguyễn Văn Thuấn, Nguyễn Thị Phúc hiện cư ngụ tại địa phương, Nguyễn Văn Dinh hiện sinh sống, thờ phụng ông Nguyễn Đình Ch tại huyện L, tỉnh Bình Phước); em trai là Nguyễn Văn Mạc (liệt sỹ, có con trai là Nguyễn Văn Hải, con gái Nguyễn Thị Minh hiện cư trú tại địa phương).

2. Về yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu khởi kiện thứ nhất: Bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của ông Ch lập ngày 07/10/2005 là vô hiệu toàn bộ, đề nghị Tòa án hủy bỏ di chúc này. Lý do:

+ Khi lập di chúc ông Nguyễn Đình Ch định đoạt luôn phần tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh Mai;

+ Khi lập di chúc, ông Nguyễn Đình Ch không xem xét đến công sức của bà L trong gần 50 năm nuôi dưỡng mẹ chồng, nuôi dưỡng chăm sóc con và anh chồng

tàn tật, thay ông Ch thực hiện nghĩa vụ thờ phụng cha mẹ anh và con sau khi họ chết; hiện nay bà L là vợ chính thức của ông Ch , tài sản được tạo lập giữa bà Mai và ông Ch được ghi trong bản di chúc nói trên thì phần của ông Ch cũng có một phần là của bà L (cụ thể: bà L quán xuyến mọi nghĩa vụ của ông Ch để ông Ch yên lòng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, cống hiến xây dựng đất nước sau chiến tranh, sau khi đất nước hòa bình lẽ ra ông Ch phải về sống cùng bà Lượng, sum họp, đoàn tụ vợ chồng, chăm sóc yêu thương nhau theo quy định của pháp luật nhưng ông Ch không làm vậy, có tài sản lại định đoạt cho người khác không xem xét đến công sức, hoàn cảnh mất sức lao động do sự khổ cực như bà đã trình bày ở trên).

- Yêu cầu khởi kiện thứ hai: Đề nghị Tòa án chia tất cả các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên các thửa đất:

+ Thửa đất có diện tích **20.556 m^2** cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, đất được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện L, Bình Phước.

+ Thửa đất có diện tích **1.269 m^2** cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà công trình trên đất; đất được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00022 ngày 31/12/2003 tại ấp 1A, thị trấn Lộc Ninh, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện L, tỉnh Bình Phước).

+ Thửa đất có diện **3.939 m^2** cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất; đất được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 tại ấp 3, xã Lộc Hưng, Lộc Ninh, Bình Phước.

Yêu cầu chia các tài sản trên làm 2 phần, một phần của ông Nguyễn Đình Ch , một phần của bà Nguyễn Thị Thanh Mai. Trong phần của ông Nguyễn Đình Ch thì bà L yêu cầu chia làm 02 phần, của ông Ch một phần, của bà L một phần (bà L đề nghị chia bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất). Phần của ông Nguyễn Đình Ch được chia làm 02 phần, bà L một phần còn một phần chia cho Chị Nguyễn Thị Yến L (con riêng ông Ch và Bà Nguyễn Kim Ph).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị L rút yêu cầu chia tài sản chung, chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Ch .

Bà Võ Thị Mỹ D là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M có yêu cầu độc lập trình bày:

1. Về mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thanh Mai và ông Nguyễn Đình Ch ; thân nhân bà Nguyễn Thị Thanh Mai:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, ông Nguyễn Đình Ch chung sống với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Cha mẹ, ông bà nội ngoại của bà Nguyễn Thị Thanh Mai đã chết trước bà Mai, bà Mai không có con, hiện chỉ còn anh chị em ruột là ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M . Ngoài ra, không còn ai là người thân thích của bà Nguyễn Thị Thanh Mai. Trước khi chung sống với ông Nguyễn Đình Ch thì bà Nguyễn Thị Thanh Mai không có chồng, con.

Năm 2009, bà Nguyễn Thị Thanh Mai chết không để lại di chúc, bà Võ Thị Mỹ D đề nghị Tòa án xác định ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà

Nguyễn Thị Thanh M là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ 2 của bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M .

Trong quá trình chung sống từ năm 1989 đến năm 2006, ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai tạo dựng được các tài sản như lời trình bày của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L. Do bà Mai, ông Ch không phải là vợ chồng hợp pháp nên ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M có yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án xác định Bà Nguyễn Thị L là vợ chính thức của ông Nguyễn Đình Ch ; tuyên bố ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Mai không phải là vợ chồng.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình Ch (Nguyễn Văn Chi) lập năm 2005 là không hợp pháp và hủy bỏ một phần di chúc này.

- Ngoài ra, năm 2006 ông Nguyễn Đình Ch chết, bà Nguyễn Thị Thanh Mai có 02 sổ tiết kiệm với số tiền là 180.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Thanh Mai và đề nghị Tòa án xác định đây là di sản của bà Nguyễn Thị Thanh Mai, chia số tiền này cho ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M .

- Đề nghị Tòa án chia tất cả các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên các thửa đất nói trên thành 02 phần, ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M nhận chung ½ di sản bằng hiện vật (tuyên bố ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M có quyền sở hữu chung di sản, không Ch a riêng lẽ từng người).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ông Lê Quang Th trình bày:

Năm 2003 ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Mai cho Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M một phần diện tích đất khoảng 01 ha trong thửa đất 20.556 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Khi cho đất, các bên không lập thành văn bản song có sự chứng kiến của Ông Nguyễn Văn D (cháu ruột ông Nguyễn Đình Ch) và bà Nguyễn Thị Tứ (cháu họ bà Nguyễn Thị Thanh Mai, chung sống với bà Mai năm 12 tuổi đến khi bà Mai chết năm 2009) làm chứng. Khi cho đất, bà Mai tự mình chỉ mốc ranh giới cùng với ông Hài, bà Bướm (người thuê đất liền kề). Sau khi nhận đất, Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M tiến hành khai hoang rừng le, hố bom và tiến hành trồng điều trên đất. Năm 2005, ông Nguyễn Đình Ch bị bệnh, ông Ch lập di chúc thì Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M không hề biết. Khi bà Nguyễn Thị Thanh Mai bị bệnh thì bà Mai gọi Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M đến nhà làm giấy tờ cho nhưng Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M thấy bà Mai đang hấp hối nên không đồng ý làm. Sau khi bà Mai chết, bà Phượng là người biết rõ việc cho đất, đồng thời tiếp tục cho vợ chồng Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M tiếp tục sử dụng phần đất trên từ năm 2009 cho đến nay.

Nay Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu xác định phần đất này là di sản thừa kế thì Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M không đồng ý. Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai; đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M .

Tại phiên tòa, Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M xác định ông Nguyễn Văn Chi, bà Nguyễn Thị Thanh Mai đã tặng cho ông Thùy, bà Mơ thửa đất trên nên không đề nghị xem xét định giá lại đối với tài sản trên đất.

Bà Hoàng Thị M đồng ý với lời trình bày của chồng là Ông Lê Quang Th .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vào năm 2003, ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai thống nhất cho vợ chồng Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B thuê đất và thu hoạch 503 nọc tiêu trên phần đất có diện tích khoảng hơn 01 ha tại ấp 6, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước, trả tiền thuê đất theo sản lượng hàng năm. Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B sử dụng từ năm 2003 đến nay, trước khi ông Ch , bà Mai chết thì tài sản trên đất còn tồn tại, cho thu hoạch hoa lợi hàng năm; sau năm 2009, do hạn hán, sâu bệnh, toàn bộ tiêu trên đất đã chết nên Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B đã trồng lại toàn bộ tài sản trên đất. Nay, những người thừa kế của ông Ch , bà Mai có yêu cầu khởi kiện đề nghị xác định phần đất nói trên là di sản thừa kế thì ông Hài, bà Bướm đồng ý quyền sử dụng đất là di sản, còn tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu ông Hài, bà Bướm; nếu sau này ai được chia phần đất này thì ông Hài, bà Bướm có nguyện vọng được nhận sang nhượng lại phần đất này để tiếp tục sử dụng, quản lý tài sản trên đất. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Lượng, bà Thanh Vân, bà Minh, ông Tứ thì ông Hài, bà Bướm không có yêu cầu độc lập gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Ngọc H không đề nghị xem xét định giá lại đối với tài sản trên đất hiện nay vợ chồng ông Hài, bà Bướm đang quản lý, sử dụng.

Bà Phạm Thị B thống nhất với lời trình bày của chồng, xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Trần Vũ M trình bày:

Ông Trần Vũ M là hàng xóm của ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai. Khi ông Ch , bà Mai còn sống cho Ông Trần Vũ M mượn một phần đất khoảng 200 m^2 đối diện Bến xe Lộc Ninh để buôn bán. Sau khi cho mượn thì ông Mạnh xây dựng nhà tiền chế để phục vụ việc kinh doanh.

Khi ông Ch , bà Mai chết, bà Phượng là người quản lý di sản tiếp tục cho ông Mạnh mượn đất. Khi mượn đất, do Chị Nguyễn Thị Yến L còn nhỏ, đi học và Bà Nguyễn Kim Ph khó khăn thì tùy thuộc hàng tháng tình hình lợi nhuận nhiều hay ít Ông Trần Vũ M cho Chị Nguyễn Thị Yến L từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu chia tài sản thừa kế Ông Trần Vũ M không có yêu cầu gì. Khi Tòa án phân chia phần đất hiện ông Mạnh đang mượn cho ai được hưởng thì khi có yêu cầu người đó, Ông Trần Vũ M đồng ý tự di dời để trả lại đất cho người được chia phần đất này nhưng phải cho thời hạn từ 03 tháng trở lên để tạo điều kiện cho Ông Trần Vũ M ổn định việc kinh doanh; Ông Trần Vũ M không yêu cầu người được chia đất bồi thường chi phí di dời. Do bận công việc, Ông Trần Vũ M đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn D trình bày:

1. Về quan hệ giữa Ông Nguyễn Văn D với ông Nguyễn Văn Chi, Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Bà Nguyễn Kim Ph , Chị Nguyễn Thị Yến L . Thân nhân của ông Nguyễn Đình Ch ; Quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Chi, Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Bà Nguyễn Kim Ph , Chị Nguyễn Thị Yến L :

Ông Nguyễn Văn D là cháu ruột của ông Nguyễn Đình Ch . Ông Nguyễn Đình Ch có cha là ông Nguyễn Văn Thu, chết trước khi Ông Nguyễn Văn D ra đời; mẹ là Lê Thị Châm (không nhớ năm sinh), chết ngày 09/11/1969; vợ thứ nhất là Bà Nguyễn Thị L cùng hai con Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Hòa (đã chết); anh trai là ông Nguyễn Văn Bút (không nhớ năm sinh) nhưng bị tàn tật, bị bệnh động kinh, không vợ con do Bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng từ khi kết hôn đến khi ông Bút chết năm 1991; em trai là Nguyễn Văn Son (đã chết năm 1978, hiện nay có 03 người con là Nguyễn Văn Thuấn, Nguyễn Thị Phúc hiện cư ngụ tại địa phương, Nguyễn Văn Dinh (là Ông Nguyễn Văn D) hiện sinh sống, thờ phụng ông Nguyễn Đình Ch tại huyện L, tỉnh Bình Phước); em trai là Nguyễn Văn Mạc (liệt sỹ, có con trai là Nguyễn Văn Hải, con gái Nguyễn Thị Minh hiện cư trú tại địa phương). Vợ thứ 2 là bà Nguyễn Thị Thanh Mai sống chung năm 1989, chết năm 2009; có con riêng với Bà Nguyễn Kim Ph là Chị Nguyễn Thị Yến L .

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Đình Ch , Bà Nguyễn Thị L thể hiện như sau: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình Ch tìm hiểu và đi đến kết hôn khi Ông Nguyễn Văn D chưa ra đời, sau khi kết hôn thì ông Nguyễn Đình Ch được lệnh nhập ngũ, đi chiến đấu tại chiến trường miền Nam (thường được gọi là chiến trường B), còn Bà Nguyễn Thị L vẫn tiếp tục công tác tại Trường cấp 1 Thành Công. Sau khi kết hôn, bà Lượng, ông Ch có hai người con tên là Nguyễn Thị Lý (đã mất do bị bệnh nặng trong năm 1966), và Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1978 nhưng cũng bị bệnh bại liệt, không nhận thức được và đã chết năm 1991. Ngoài ra, trong thời gian ông Nguyễn Đình Ch đi bộ đội và công tác tại tỉnh Sông Bé thì bà L ở nhà nuôi bác ruột của Ông Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn Bút (anh trai của cha Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đình Ch). Ông Nguyễn Văn Bút là anh cả của ông Nguyễn Đình Ch , bị liệt toàn thân sống với mẹ, các em trai. Sau khi các em đi bộ đội thì ông Bút được Bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chết năm 1991. Từ khi kết hôn đến nay, Bà Nguyễn Thị L nuôi con nuôi anh chồng và thờ phụng gia đình chồng cho đến nay.

Đến khoảng năm 1989, ông Nguyễn Đình Ch có báo anh em trong gia đình về việc cho ông Ch được chung sống với bà Mai để có người bầu bạn, thì được

người thân trong gia đình và bà L đồng ý. Do đó, ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Mai đã chung sống với nhau từ năm 1989 đến khi chết.

Đối với khối tài sản chung của ông Ch , bà Mai và yêu cầu khởi kiện của các đương sự như trên, Ông Nguyễn Văn D có ý kiến như sau:

- Trong thời gian chung sống đến khi chết, ông Ch , bà Mai tạo dựng được khối tài sản như lời trình bày của Bà Nguyễn Thị L và bà Võ Thị Mỹ D nêu trên.

- Đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn Chi định đoạt trong di chúc: Do Ông Nguyễn Văn D chăm sóc ông Ch , bà Mai khi già yếu nên đã được ông Ch , bà Mai cho đất và đã sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ông Nguyễn Văn D không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- Đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Văn D đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của bà L vì những hi sinh của bà L từ khi kết hôn với ông Ch đến nay cho gia đình bên chồng, chăm sóc gia đình chồng con để ông Ch đi chiến đấu bảo vệ tổ quốc... lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, nhân thân...giữa bà L và ông Ch là hoàn toàn đúng.

- Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh M , Bà Nguyễn Thị Thanh V thì Ông Nguyễn Văn D không có ý kiến gì.

- Đối với lời trình bày của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M : Trong thời gian sống chung, ông Dinh được nghe ông Ch , bà Mai nói trực tiếp tặng cho ông Thùy bà Mơ 01 ha đất (phần đất hiện ông Thùy, bà Mơ đang sử dụng). Ngoài ông Dinh còn có chị Nguyễn Thị Tứ (cháu của bà Mai, ở chung với bà Mai từ năm 12 tuổi đến khi bà Mai chết) cũng chứng kiến việc trên. Năm 2003 ông Ch bị bệnh nặng ông Thùy, bà Mơ ra thăm thì ông Ch có nói là cho ông Thùy, bà Mơ một phần đất ở Lộc Hòa để ông Thùy, bà Mơ canh tác. Khi ông Ch nói cho đất thì có mặt của bà Mai, bà Mai biết và bà Mai cũng đồng ý cho ông Thùy, bà Mơ phần đất đó. Ông Dinh cam đoan sự việc tặng cho là có thật đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại văn bản số 587/UBND-NC ngày 23/6/2017, UBND huyện L trình bày:

Vào năm 2005, UBND huyện L ủy quyền cho Trưởng phòng Tư pháp là ông Vi Văn Tiến ký chứng thực di chúc của ông Nguyễn Đình Ch ; việc chứng thực di chúc là đúng trình tự pháp luật quy định tại Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000. Do vậy, UBND huyện L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với di chúc của ông Nguyễn Đình Ch theo quy định. Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Thành Tr trình bày:

Ông Lê Thành Tr là chồng của Bà Nguyễn Kim Ph , hiện đang cư trú tại căn nhà do ông Nguyễn Đình Ch chết để lại để chăm sóc vợ, con. Sau này, khi có yêu cầu của người nhận được di sản thừa kế, Ông Lê Thành Tr sẽ dọn ra nơi ở mới để trả nhà cho người được hưởng di sản. Do bận công việc, Ông Lê Thành Tr xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn là Bà Nguyễn Kim Ph và bà Nguyễn Thị Mỹ Anh là đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Kim Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Yến L trình bày:

Vào năm 1998, Bà Nguyễn Kim Ph có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Đình Ch và sinh được 01 người con chung là Chị Nguyễn Thị Yến L . Đến khoảng năm 2000, Bà Nguyễn Kim Ph cùng Chị Nguyễn Thị Yến L về chung sống với ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Mai để chăm sóc cho ông Nguyễn Đình Ch bị bệnh. Năm 2006, ông Nguyễn Đình Ch chết, bà Phượng, Chị Nguyễn Thị Yến L tiếp tục chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh Mai cho đến năm 2009 bà Mai chết. Sau khi bà Mai chết, Bà Nguyễn Kim Ph tiếp tục sinh sống trong nhà bà Mai, ông Ch đến nay. Nay Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai để lại, Bà Nguyễn Kim Ph có ý kiến như sau:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Kim Ph không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L vì bà L không phải là vợ của ông Nguyễn Đình Ch ; ông Ch chỉ có một người vợ duy nhất là bà Nguyễn Thị Thanh Mai, mặc dù chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nhưng thời điểm chung sống là trước năm 1987 (là vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình hiện hành). Bà L không có chứng cứ, chứng minh mình là vợ ông Ch nên đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu của bà L như người đại diện theo ủy quyền đã trình bày trước đây.

2. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh M , Bà Nguyễn Thị Thanh V : Bà Nguyễn Kim Ph không đồng ý với yêu cầu của bà Minh, ông Tứ, bà Vân. Mặc dù Chị Nguyễn Thị Yến L không phải là con ruột của bà Mai nhưng bà Mai và ông Ch là vợ chồng, Chị Nguyễn Thị Yến L là con riêng của ông Ch với Bà Nguyễn Kim Ph ; Chị Nguyễn Thị Yến L được bà Phượng, bà Mai chăm sóc, nuôi dưỡng và coi Chị Nguyễn Thị Yến L như con ruột của bà Mai. Căn cứ theo Luật hôn nhân và gia đình hiện hành thì Chị Nguyễn Thị Yến L là người được hưởng thừa kế của bà Mai, thuộc hàng thừa kế thừa nhất của bà Mai và ông Ch . Vì vậy, đề nghị Toà án công nhận Chị Nguyễn Thị Yến L là con nuôi của bà Mai và công nhận Chị Nguyễn Thị Yến L là hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai; giao toàn bộ các tài sản tranh chấp trong vụ án (là ba mảnh đất cùng tài sản trên đất nói trên) cho Chị Nguyễn Thị Yến L . Đối với 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng là di sản riêng của bà Mai để lại nên cũng yêu cầu chia cho hàng thừa kế thứ nhất là Chị Nguyễn Thị Yến L . Đồng thời đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh M , Bà Nguyễn Thị Thanh V .

3. *Đối với yêu cầu độc lập và lời trình bày của Bà Hoàng Thị M , ông Lê Quuang Thùy*: Bà Nguyễn Kim Ph không đồng ý về lời trình bày và yêu cầu của ông Thùy và bà Mơ vì không cung cấp được chứng cứ chứng minh là ông Ch , bà Mai đã cho ông Thùy, bà Mơ đất mà chỉ cho mượn. Ông Thùy, bà Mơ nói ông Ch , bà Mai cho ông Thùy, bà Mơ đất vào năm 2003 nhưng thực tế vào năm 2005, khi ông Ch làm di chúc để lại tài sản cho chị Linh thì ông Ch có để lại toàn bộ diện tích đất 20.556 m^2 tại ấp 6, xã Lộc Hòa cho Chị Nguyễn Thị Yến L không hề nói đã cho bà Mơ, ông Thùy. Mặc dù di chúc này không có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn thể hiện ý chí của ông Ch khi còn sống, hoàn toàn đối lập với lời trình bày của ông Thùy, bà Mơ. Bà Phượng công nhận tài sản trên đất ông Thùy, bà Mơ sử dụng là tài

sản do ông Thùy, bà Mơ tạo dựng nên. Bà Phượng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Thùy bà Mơ.

4. Đối với yêu cầu và lời trình bày của Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B : Tài sản trên đất do ông Hài, bà Bướm đang sử dụng là do ông hài bà Bướm tạo dựng nên, sau này khi Tòa án giao phần đất này cho Chị Nguyễn Thị Yến L thì Chị Nguyễn Thị Yến L sẽ hỗ trợ giá trị tài sản trên đất cho ông Hài, bà Bướm.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như trình bày ở trên (thông qua lời trình bày của những người đại diện theo ủy quyền), Bà Nguyễn Kim Ph , Chị Nguyễn Thị Yến L có yêu cầu:

- Đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình Ch lập năm 2005 là không hợp pháp và hủy bỏ di chúc này.

- Đề nghị Tòa án không công nhận Bà Nguyễn Thị L là vợ ông Nguyễn Đình Ch , công nhận Chị Nguyễn Thị Yến L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L về yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Thanh M , Bà Nguyễn Thị Thanh V về việc đề nghị Tòa án tuyên ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Mai không phải là vợ chồng, yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Bác yêu cầu của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M về việc đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Mai với Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M .

- Đề nghị Tòa án công nhận 03 mảnh đất và số tiền gốc 180.000.000 đồng (trong 02 sổ tiết kiệm cùng tiền lãi) là di sản của ông Nguyễn Đình Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Mai để lại; xác định Chị Nguyễn Thị Yến L là người được quyền thừa kế toàn bộ các di sản này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận Bà Nguyễn Thị L là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Đình Ch . Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh Mai và ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Phượng và ông Nguyễn Đình Ch là vợ chồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T.

Tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình Ch lập ngày 07/10/2005 là không hợp pháp, trừ phần 4 của di chúc định đoạt di sản cho Ông Nguyễn Văn D là có hiệu lực pháp luật.

Xác định Bà Nguyễn Thị L, Chị Nguyễn Thị Yến L là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Ch ; Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phượng, Chị Nguyễn Thị Yến L về việc đề nghị xác định Chị Nguyễn Thị Yến L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

3. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai:

Bà Nguyễn Thị L được thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình Ch , gồm các tài sản sau:

- Phần đất có diện tích 1.636,35 m^2 (có 100 m^2 đất thổ cư) nằm ở phía Nam thửa đất số T1/14 tờ bản đồ số 18 xã Lộc Hưng, tiếp giáp đất ông Trần Công Hiển, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 đứng tên ông Nguyễn Đình Ch . Trên đất có 17 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

- Phần đất có diện tích 13.087,4 m^2 (trong đó gồm 02 thửa có diện tích là 4.873,2 m^2 và 8.214,2 m^2 do Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B đang quản lý, sử dụng) tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện L, tỉnh Bình Phước; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSDĐ/BP ngày 22/02/2000 đứng tên ông Nguyễn Đình Ch . Đồng thời, Bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (Là nhà tạm và cây trồng) gồm: 61 cây điều trồng 06 năm tuổi, 108 nọc tiêu 05 năm tuổi, 205 nọc tiêu 03 năm, 75 nọc tiêu 04 năm tuổi, 108 nọc tiêu 02 năm tuổi, 64 nọc tiêu 01 năm tuổi, 20 khóm thơm, 01 cây dừa, 01 cây Lekima, 01 cây bơ, 03 cây ổi, 01 cây mận, 05 cây mít, 02 cây mảng cầu, 01 cây sơri, 02 cây cau, 02 cây chôm chôm, 04 cây chè xanh, 01 cây sapoche, 34 cây chuối, 02 cây đu đủ, 01 cây lựu, 01 cây đinh lăng, 02 khóm trầu, 02 bụi thanh long; 01 căn nhà tạm loại 1 diện tích 95,25 m^2 giá trị sử dụng còn lại 60%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 35,72 m^2 có giá trị sử dụng là 30%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 43,12 m^2 giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 nhà tắm diện tích 5,7 m^2 có giá trị sử dụng còn lại 85%, 01 bể nước thể tích 2,64 m^3, 01 sân bê tông diện 76,3 m^2, mái hiên diện tích 16,58 m^2, 01 bể tưới thể tích 26,25 m^3, 01 nhà vệ sinh 4 m^2, 01 hầm tự hoại 7,2 m^3 giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 giếng đào sâu 19 m trên thửa đất 4.873,2 m^2 và 70 cây chuối trên thửa đất 8.214,2 m^2.

Bà Nguyễn Thị L được quyền nhận từ Chị Nguyễn Thị Yến L số tiền 240.211.280 đồng chênh lệch khi chia di sản thừa kế

Buộc Bà Nguyễn Thị L hoàn lại số tiền 169.445.650 đồng là giá trị tài sản trên phần đất 13.087,4 m^2 cho Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B .

Giá trị tài sản Bà Nguyễn Thị L được thừa kế là 1.261.380.000 đồng đồng.

Chị Nguyễn Thị Yến L được thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình Ch , gồm các tài sản sau:

Phần đất có diện tích 728,3 m^2, trong đó có 125,8 m^2 đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m^2 hành lang bảo vệ đường bộ, 242,6 m^2 hành lang bảo vệ suối, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến suối, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh Mai. Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 98,56 m^2

(giá trị sử dụng còn lại là 50%); 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 07 m^2 (giá trị còn lại là 40%); chuồng trại diện tích 8 m^2, sân bê tông 198,24 m^2, cây cảnh, tường rào.

Buộc Chị Nguyễn Thị Yến L phải hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị L số tiền 240.211.280 đồng chênh lệch khi chia di sản thừa kế.

Giá trị di sản Chị Nguyễn Thị Yến L được chia là 1.261.380.720 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T được hưởng thừa kế chung tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh Mai, gồm các tài sản sau:

Phần đất có diện tích 487 m^2 tiếp giáp đất Ông Nguyễn Văn D bao gồm: 125,9 m^2 đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m^2 hành lang bảo vệ đường bộ, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến tiếp giáp phần di sản được chia cho ông Nguyễn Đình Ch , đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh Mai. Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 51,75 m^2 (giá trị sử dụng còn lại là 60%); một số cây ăn trái ...

Phần đất có diện tích 1.636,35 m^2 (có 100 m^2 đất thổ cư) nằm ở phía Bắc thửa đất, tiếp giáp đất ông Nguyễn Hữu Phúc, chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 đứng tên ông Nguyễn Đình Ch . Trên đất có 38 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

Phần đất có diện tích 8.435,1 m^2 do Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M đang quản lý, sử dụng tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSDĐ/BP ngày 22/02/2000 đứng tên ông Nguyễn Đình Ch . Đồng thời, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu chung tài sản trên đất là 130 cây điều trồng năm 2003.

Số tiền tiết kiệm là 180.000.000 đồng (theo 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số NA 4147696 ngày 25/8/2008, NA 4608877 ngày 25/02/2009 gửi tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện L) đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh Mai và 201.138.400 đồng tiền lãi phát sinh từ 02 tài khoản tiết kiệm nêu trên tính đến ngày 13/11/2017.

Buộc Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn lại cho Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M số tiền 29.250.000 đồng là giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và 19.200.000 đồng (giá trị 1.000 m^2 quyền sử dụng đất) tiền hỗ trợ công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất 8.435,1 m^2 nói trên.

Tổng giá trị tài sản thừa kế Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T được thừa kế chung là 2.743.177.320 đồng.

4. Giải quyết các yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bác yêu cầu độc lập của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M về việc đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai; bác yêu cầu của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M đề nghị Tòa án công nhận phần

đất có diện tích 8.435,1 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M .

Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M được quyền nhận từ Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T số tiền 29.250.000 đồng là giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và 19.200.000 đồng (giá trị 1.000 m^2 quyền sử dụng đất) tiền hỗ trợ công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất 8.435,1 m^2 nói trên.

Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B phải trả lại phần đất có tổng diện tích 13.087,4 m^2 cho Bà Nguyễn Thị L và nhận số tiền 169.446.650 đồng là giá trị tài sản trên phần đất 13.087,4 m^2 được chia cho Bà Nguyễn Thị L.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ông Trần Vũ M phải tháo dỡ, di dời các nhà tiền chế được xây dựng trên phần đất được chia thừa kế cho Chị Nguyễn Thị Yến L , Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của Bà Nguyễn Thị L; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T về việc đề nghị xác định tiền thuê đất 4.000.000 đồng/tháng (tính từ năm 2009 đến nay bà Nguyễn Thị Phượng nhận từ Ông Trần Vũ M) là di sản thừa kế.

Ngày 04/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Yến L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tuyên bố không công nhận bà L và ông Ch là vợ chồng, đồng thời tuyên công nhận bà Mai và ông Ch là vợ chồng. Tuyên bố chị Linh là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai, ông Ch . Tuyên bố chị Linh là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai, ông Ch . Tuyên buộc ông Thùy, bà Mơ phải trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 8.435,1 m^2 cho chị Linh.

Ngày 13/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Linh trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị Linh hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Nhân thân nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L có sự mâu thuẫn nhưng Tòa sơ thẩm không làm rõ, không thu thập giấy kết hôn ông Ch , bà Lượng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm xác định ông Ch , bà L có tài sản chung tại xã Trác Văn nhưng Tòa sơ thẩm không công khai chứng cứ để chị Linh là người

thừa kế của ông Ch biết để có yêu cầu đối với tài sản này hay không? Đối với diện tích đất Lộc Hòa hiện ông Thùy, bà Mơ, ông Hài, bà Bướm đang quản lý. Các hợp đồng trên đều vô hiệu nhưng Tòa sơ thẩm không nhận định, không tuyên xử lý hợp đồng vô hiệu nhưng lại tuyên buộc những người đang quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất là di sản của ông Ch phải trả lại quyền sử dụng đất là không đúng.... Từ những vi phạm trên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ những tài liệu, chứng cứ được thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên và của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Yến L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đối với nội dung kháng nghị việc bản án sơ thẩm xác định nguyên đơn Nguyễn Thị Lượng là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Đình Ch là chưa đủ căn cứ:

Tại các biên bản lấy lời khai, những người cháu ruột của ông Ch (ông Nguyễn Văn Phấn, bà Nguyễn Thị Phúc, Ông Nguyễn Văn D , ông Nguyễn Văn Hải (Bút lục 483), bà Nguyễn Thị Minh (Bút lục 470), ông Nguyễn Thanh Bình (Bút lục 474), ông Nguyễn Quang Cảnh (Bút lục 476) đều xác định: Ông Nguyễn Đình Ch có vợ là Bà Nguyễn Thị L (còn gọi là Nguyễn Thị Thanh Lượng), kết hôn năm 1965; có 02 người con là Nguyễn Thị Lý (sinh năm 1966, chết năm 1966), Nguyễn Thị Hòa (sinh năm 1978, chết năm 1991). Năm 1965, ông Nguyễn Đình Ch được lệnh nhập ngũ, đi chiến đấu tại chiến trường miền Nam; Bà Nguyễn Thị L ở nhà vừa dạy học, vừa chăm sóc anh trai chồng (ông Nguyễn Văn Bút), chăm sóc con (Nguyễn Thị Hòa).

Những người làm chứng là đồng nghiệp, hàng xóm của ông Ch , bà L đều khẳng định: Bà Lượng, ông Ch có tổ chức lễ cưới có sự chứng kiến của bạn bè đồng nghiệp; có tổ chức đăng ký kết hôn (ông Nguyễn Hồng Lộc (Bút lục 476), nguyên Ủy viên văn phòng kiêm Trưởng ban tư pháp phụ trách việc kết hôn, hộ tịch xã Thành Công (cũ), xác nhận ông là người trực tiếp làm thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn, được thực hiện trong cùng ngày 20/3/1965).

Tại văn bản số 1094/BCH-PCT ngày 06/10/2015 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương (Bút lụt 512), cung cấp về hồ sơ lý lịch đảng viên ngày 10/01/1977 của ông Ch thì tại phần kê khai tên vợ ông Ch là Bà Nguyễn Thị L, quê quán tại xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh; nghề nghiệp: Dạy học tại Trường phổ thông cấp 1 + 2 Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh; xây dựng gia đình với vợ là ngày 28/3/1965 tại Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh.

Như vậy, lời khai của những người thân thích, hàng xóm, đồng nghiệp và văn bản trả lời của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương (đơn vị trực tiếp quản lý khi

ông Nguyễn Đình Ch còn tại ngũ) là phù hợp với lời trình bày của Bà Nguyễn Thị L cho rằng Bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Nguyễn Đình Ch ; phù hợp về nhân thân của Bà Nguyễn Thị L được chính quyền địa phương xác. Bà Nguyễn Thị L cho rằng việc kết hôn có đăng ký kết hôn nhưng do thất lạc nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn; lời trình bày này của Bà Nguyễn Thị L phù hợp với lời thừa nhận của ông Nguyễn Hồng Lộc (nguyên Ủy viên văn phòng kiêm Trưởng ban tư pháp phụ trách việc kết hôn, hộ tịch xã Thành Công (cũ), UBND xã Trác Văn xác định ông Nguyễn Hồng Lộc là Trưởng ban tư pháp thời kỳ năm 1966) khẳng định ông Lộc là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Đình Ch và Bà Nguyễn Thị L.

Biên bản xác minh tại Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (Bút lục số 48) cung cấp xác nhận chưa có cấp Tòa án nào giải quyết việc ly hôn giữa ông Nguyễn Đình Ch và Bà Nguyễn Thị L. Mặt khác, bà L khẳng định chưa ly hôn với ông Ch .

Như vậy, có căn cứ xác định Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình Ch chung sống với nhau từ tháng 3/1965, có thực hiện việc đăng ký kết hôn, là vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1959. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận bà L là vợ hợp pháp của ông Ch và xác định bà L là hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản của ông Ch để lại là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về phần này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Đối với quan hệ giữa ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến khi ông Ch mất vào năm 2006 không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống với ông Ch , bà Mai chưa có chồng (Chưa đăng ký kết hôn với ai cả), ông Ch đã có vợ là bà L (Có đăng ký kết hôn chưa ly hôn). Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông Ch , bà Mai là hôn nhân trái pháp luật không được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa hai người đã tạo dựng được một số tài sản. Hiện đang tranh chấp trong vụ kiện. Vì vậy, số tài sản này sẽ được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Năm 2006 ông Ch mất nhưng trước đó vào ngày 07/10/2005 ông Ch đã tự lập di chúc định đoạt luôn phần tài sản của bà Mai (tài sản này do hai người tạo dựng trong thời kỳ chung sống với nhau) bà Mai không biết. Do đó, di chúc này là không hợp pháp. Mặc dù, có số chứng thực của Phòng Tư pháp huyện L. Vì vậy, Tòa sơ thẩm tuyên hủy là có cơ sở.

Đối với bà Mai hiện nay cha mẹ của bà Mai đã chết anh chị của bà Mai chỉ còn bà Minh, bà Vân và ông Tứ cho nên những người này thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Mai. Tòa sơ thẩm chia phần tài sản của bà Mai cho họ là có căn cứ.

Đối với quan hệ giữa ông Nguyễn Đình Ch và Bà Nguyễn Kim Ph . Hai người có quan hệ với nhau và có được một con chung là Chị Nguyễn Thị Yến L , sinh năm 1998 quan hệ của họ không được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, chị Linh đã được ông Ch và bà Phượng làm khai sinh cho nên chị Linh được coi là con ruột của ông Ch và được hưởng thừa kế tài sản của ông Ch cùng với bà Lượng.

[3] Đối với nội dung kháng nghị Tòa sơ thẩm không thu thập chứng cứ, không xác định phần tài sản của ông Ch và bà L để giải quyết trong cùng vụ án là thu thập chứng cứ không đầy đủ, xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành lấy lời khai những người cháu ruột của ông Ch gồm các bà Phấn, bà Phúc, ông Dinh, ông Hải, bà Minh, ông Bình, ông Cảnh đều khẳng định giữa bà L và ông Ch không có tài sản chung. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà L thừa nhận có tài sản chung với ông Ch do cha mẹ ông Ch để lại nhưng bà L đã chuyển nhượng trong thời gian ông Ch còn sống và hiện tại không còn tài sản nào. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng Tòa cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với nội dung kháng nghị việc Tòa sơ thẩm không nhận định, không tuyên xử lý hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đình Ch với vợ chồng Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B ; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M trình bày và hợp đồng mượn tài sản giữa Ông Trần Vũ M với Bà Nguyễn Kim Ph . Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, không tuyên xử lý hậu quả các hợp đồng trên vô hiệu nhưng lại tuyên buộc những người đang quản lý, sử dụng đất của ông Ch phải trả lại quyền sử dụng đất là không đúng. Xét nội dung kháng nghị này là có căn cứ, Tòa cấp sơ thẩm đã có thiếu sót như kháng nghị đã nêu. Tuy nhiên, tại bản tự khai ông Mạnh (Bút lục số 633) trình bày: "Đồng ý tự nguyện di dời trả lại đất cho người được chia phần đất ông Mạnh mượn nhưng phải cho ông Mạnh thời hạn từ 03 tháng trở lên để tạo điều kiện cho ông Mạnh ổn định việc kinh doanh, ông Mạnh không yêu cầu người được chia đất bồi thường chi phí di dời". Đối với ông Hài, bà Bướm tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: "Đồng ý trả lại phần diện tích đất nói trên để chia tài sản thừa kế của ông Ch , bà Mai; đồng thời yêu cầu người hưởng di sản phải hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất cho ông Hài, bà Bướm". Đối với ông Thùy, bà Mơ (Bút lục số 317) yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Ch và vợ chồng ông Thùy, bà Mơ nhưng yêu cầu này không được chấp nhận tuy nhiên ông Thùy, bà Mơ không kháng cáo về nội dung này và tại phiên tòa phúc thẩm ông Thùy không có yêu cầu. Như vậy, quyền lợi của các đương sự vẫn được bảo đảm do đó chỉ cần nêu ra để Tòa sơ thẩm rút kinh nghiệm về phần này.

[5] Đối với nội dung kháng nghị việc Bà Nguyễn Kim Ph và Chị Nguyễn Thị Yến L ngày 26/6/2017 làm giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ Anh, sinh năm 1990, thường trú: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước được toàn quyền tham gia giải quyết vụ việc tại Tòa án nhân dân huyện L nhưng trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân huyện L không làm thủ tục tống đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ Anh để tham gia phiên tòa theo quy định mà lại tống đạt thông qua bà Phượng là không đúng quy định pháp luật. Xét

kháng nghị này là có căn cứ Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm khoản 2 Điều 86, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xét xử vắng mặt đại diện ủy quyền của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Đối với nội dung kháng nghị phần quyết định của bản án tuyên bà L thực hiện nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho ông Hài, bà Bướm với số tiền 169.445.650 đồng; bà Vân, bà Minh và ông Tứ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên đất và tiền công khai phá đất cho bà Mơ, ông Thùy với số tiền 48.450.000 đồng nhưng tòa sơ thẩm không tuyên buộc bà Lượng, bà Vân, bà Minh và ông Tứ phải chịu án phí đối với số tiền này là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Xét kháng nghị này là có căn cứ Tòa cấp sơ thẩm đã thiếu sót. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về phần này.

[7] Đối với nội dung kháng nghị Bản án sơ thẩm xác định ông Thùy, bà Mơ khó khăn về kinh tế nhưng có tài sản để thi hành án nhưng Tòa sơ thẩm tuyên giảm cho ông bà ½ án phí là không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Xét kháng nghị này là có căn cứ Tòa cấp sơ thẩm đã có thiếu sót. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về phần này cho phù hợp.

[8] Đối với nội dung kháng nghị Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên những người thừa kế của ông Ch , bà Mai được chia quyền sử dụng đất nhưng Tòa sơ thẩm không tuyên họ có quyền được đăng ký biến động để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có thiếu sót. Đối với việc tuyên *"trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ông Trần Vũ M phải tháo dỡ, di dời ..."* là vi phạm quyền được thỏa thuận thi hành án của đương sự theo khoản 1 Điều 7 Luật thi hành án dân sự. Xét kháng nghị này là có căn cứ Tòa cấp sơ thẩm đã có thiếu sót. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về phần này.

Tuy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót và vi phạm thủ tục tố tụng như kháng nghị đã nêu và Hội đồng xét xử phúc thẩm phân tích ở trên, nhưng xét những thiếu sót và vi phạm nêu trên không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và cách tuyên cho phù hợp.

[9] Xét kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Yến L về việc đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm tuyên bố không công nhận bà L và ông Ch là vợ chồng, đồng thời tuyên công nhận bà Mai và ông Ch là vợ chồng. Tuyên bố chị Linh là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai, ông Ch . Đồng thời, tuyên bố chị Linh là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai, ông Ch . Tuyên buộc ông Thùy, bà Mơ phải trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 8.435,1 m^2 chị Linh. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Như đã phân tích tại mục [I] xác định Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình Ch chung sống với nhau từ tháng 3/1965, có thực hiện việc đăng ký kết hôn, là vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1959. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận bà L là vợ hợp pháp của ông Ch và xác định bà L là hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản của ông Ch để lại là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Do vậy, kháng cáo của chị Linh không có căn cứ không được chấp nhận.

[10] Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại như sau:

- Chị Nguyễn Thị Yến L được hưởng di sản thừa kế với giá trị là 1.261.380.720 đồng nên Chị Nguyễn Thị Yến L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 đồng + (461.380.720 đồng x 3%) = 49.841.421 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L được hưởng di sản thừa kế với giá trị là 1.261.380.720 đồng và bà L phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho ông Hài, bà Bướm 169.445.650 đồng nên Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 đồng + (630.826.370 đồng x 3%) = 54.924.791 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T được hưởng chung khối tài sản có tổng giá trị là 2.743.177.320 đồng tương đương mỗi người là 914.392.440 đồng, mỗi người phải trả tiền giá trị tài sản trên đất và công khai phá đất cho ông Thùy, bà Mơ 48.450.000 đồng nên bà Vân, bà Minh, ông Tứ mỗi người phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 40.885.273 đồng.

- Do yêu cầu độc lập của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M không được chấp nhận với giá trị thửa đất là 161.953.920 đồng nên phải chịu án phí là 161.953.920 đồng x 5% = 8.097.696 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Chị Nguyễn Thị Yến L không phải chịu.

Quan điểm của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp cho Chị Nguyễn Thị Yến L đề nghị hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm không căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Yến L .

Chấp nhận một phần kháng nghị số 27/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ khoản 3 Điều 17, Điều 31 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ Điều 136 Luật đất đai năm 2003. Căn cứ Điều 217, Điều 222, Điều 223, Điều 652, Điều 675, Điều 676, Điều 679 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ điểm c khoản 3, điểm b khoản 4 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ Điều 14, 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận Bà Nguyễn Thị L là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Đình Ch ; tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh Mai và ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Phượng và ông Nguyễn Đình Ch là vợ chồng;

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T.

Tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình Ch lập ngày 07/10/2005 là không hợp pháp, trừ phần 4 của di chúc định đoạt di sản cho Ông Nguyễn Văn D là có hiệu lực pháp luật.

Xác định Bà Nguyễn Thị L, Chị Nguyễn Thị Yến L là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Ch ; Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phượng, Chị Nguyễn Thị Yến L về việc đề nghị xác định Chị Nguyễn Thị Yến L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

[3]. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai:

[3.1] Bà Nguyễn Thị L được thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình Ch , gồm các tài sản sau:

- Phần đất có diện tích 1.636,35 m^2 (có 100 m^2 đất thổ cư) nằm ở phía Nam thửa đất số T1/14 tờ bản đồ số 18 xã Lộc Hưng, tiếp giáp đất ông Trần Công Hiển, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 đứng tên ông Nguyễn Đình Ch . Trên đất có 17 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

- Phần đất có diện tích 13.087,4 m^2 (trong đó gồm 02 thửa có diện tích là 4.873,2 m^2 và 8.214,2 m^2 do Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B đang quản lý, sử dụng) tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện L, tỉnh Bình Phước; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSDĐ/BP ngày 22/02/2000 đứng tên ông Nguyễn Đình Ch . Đồng thời, Bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (là nhà tạm và cây trồng) gồm: 61 cây điều trồng 06 năm tuổi, 108 nọc tiêu 05 năm tuổi, 205 nọc tiêu 03 năm, 75 nọc tiêu 04 năm tuổi, 108 nọc tiêu 02 năm tuổi, 64 nọc tiêu 01 năm tuổi, 20 khóm thơm, 01 cây dừa, 01 cây Lekima, 01 cây bơ, 03 cây ổi, 01 cây mận, 05 cây mít, 02 cây mảng cầu, 01 cây sơri, 02 cây cau, 02 cây chôm chôm, 04 cây chè xanh, 01 cây sapoche, 34 cây chuối, 02 cây đu đủ, 01 cây

lựu, 01 cây đinh lăng, 02 khóm trầu, 02 bụi thanh long; 01 căn nhà tạm loại 1 diện tích 95,25 m^2 giá trị sử dụng còn lại 60%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 35,72 m^2 có giá trị sử dụng là 30%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 43,12 m^2 giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 nhà tắm diện tích 5,7 m^2 có giá trị sử dụng còn lại 85%, 01 bể nước thể tích 2,64 m^3 , 01 sân bê tông diện 76,3 m^2, mái hiên diện tích 16,58 m^2, 01 bể tưới nước thể tích 26,25 m^3 , 01 nhà vệ sinh 4 m^2, 01 hầm tự hoại 7,2 m^3 giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 giếng đào sâu 19m trên thửa đất 4.873,2 m^2 và 70 cây chuối trên thửa đất 8.214,2 m^2.

Bà Nguyễn Thị L được quyền nhận từ Chị Nguyễn Thị Yến L số tiền 240.211.280 đồng chênh lệch khi chia di sản thừa kế

Buộc Bà Nguyễn Thị L hoàn lại số tiền 169.445.650 đồng là giá trị tài sản trên phần đất 13.087,4 m^2 cho Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B .

Giá trị tài sản Bà Nguyễn Thị L được thừa kế là 1.261.380.000 đồng đồng.

[3.2] Chị Nguyễn Thị Yến L được thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình Ch , gồm các tài sản sau:

Phần đất có diện tích 728,3 m^2, trong đó có 125,8 m^2 đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m^2 hành lang bảo vệ đường bộ, 242,6 m^2 hành lang bảo vệ suối, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến suối, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh Mai. Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 98,56 m^2 (giá trị sử dụng còn lại là 50%); 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 07 m^2 (giá trị còn lại là 40%); chuồng trại diện tích 8 m^2, sân bê tông 198,24 m^2, cây cảnh, tường rào...

Buộc Chị Nguyễn Thị Yến L phải hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị L số tiền 240.211.280 đồng chênh lệch khi chia di sản thừa kế.

Giá trị di sản Chị Nguyễn Thị Yến L được chia là 1.261.380.720 đồng.

[3.3] Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T được hưởng thừa kế chung tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh Mai, gồm các tài sản sau:

- Phần đất có diện tích 487 m^2 tiếp giáp đất Ông Nguyễn Văn D bao gồm: 125,9 m^2 đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m^2 hành lang bảo vệ đường bộ, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến tiếp giáp phần di sản được chia cho ông Nguyễn Đình Ch , đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh Mai. Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 51,75 m^2 (giá trị sử dụng còn lại là 60%); một số cây ăn trái ...

- Phần đất có diện tích 1.636,35 m^2 (có 100 m^2 đất thổ cư) nằm ở phía Bắc thửa đất, tiếp giáp đất ông Nguyễn Hữu Phúc, chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 đứng tên ông Nguyễn Đình Ch . Trên đất có 38 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

- Phần đất có diện tích 8.435,1 m^2 do Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M đang quản lý, sử dụng tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSDĐ/BP ngày 22/02/2000 đứng

tên ông Nguyễn Đình Ch . Đồng thời, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu chung tài sản trên đất là 130 cây điều trồng năm 2003.

- Số tiền tiết kiệm là 180.000.000 đồng (Theo 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số NA 4147696 ngày 25/8/2008, NA 4608877 ngày 25/02/2009 gửi tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện L) đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh Mai và 201.138.400 đồng tiền lãi phát sinh từ 02 tài khoản tiết kiệm nêu trên tính đến ngày 13/11/2017.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn lại cho Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M số tiền 29.250.000 đồng là giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và 19.200.000 đồng (Giá trị 1.000 m^2 quyền sử dụng đất) tiền hỗ trợ công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất 8.435,1 m^2 nói trên.

Tổng giá trị tài sản thừa kế Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T được thừa kế chung là 2.743.177.320 đồng.

[4]. Giải quyết các yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bác yêu cầu độc lập của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M về việc đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Đình Ch , bà Nguyễn Thị Thanh Mai; bác yêu cầu của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M đề nghị Tòa án công nhận phần đất có diện tích 8.435,1 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng của Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M .

- Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M được quyền nhận từ Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T số tiền 29.250.000 đồng là giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và 19.200.000 đồng (giá trị 1.000 m^2 quyền sử dụng đất) tiền hỗ trợ công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất 8.435,1 m^2 nói trên.

- Ông Nguyễn Ngọc H , Bà Phạm Thị B phải trả lại phần đất có tổng diện tích 13.087,4 m^2 cho Bà Nguyễn Thị L và nhận số tiền 169.446.650 đồng là giá trị tài sản trên phần đất 13.087,4 m^2 được chia cho Bà Nguyễn Thị L.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của Bà Nguyễn Thị L; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L, Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T về việc đề nghị xác định tiền thuê đất 4.000.000 đồng/tháng (tính từ năm 2009 đến nay bà Nguyễn Thị Phượng nhận từ Ông Trần Vũ M) là di sản thừa kế.

Các đương sự được chia quyền sử dụng đất có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để được đăng ký biến động và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí

[5.1]Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu là 54.924.791 đồng, được khấu trừ số tiền án phí đã nộp là 9.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004437 quyển số 0089 ngày 21/02/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Chị Nguyễn Thị Yến L phải chịu là 49.841.421 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh V , Bà Nguyễn Thị Thanh M , ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu là 40.885.273 đồng; được khấu trừ cho ông Nguyễn Văn T số tiền án phí đã nộp là 8.15.000 đồng theo biên lai thu tiền số 013796 ngày 03/01/2014; được khấu trừ cho Bà Nguyễn Thị Thanh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.940.500 đồng theo biên lai thu tiền số 012764 quyển số 0256 ngày 16/7/2013; được khấu trừ cho Bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.940.500 đồng theo biên lai thu tiền số 012765 quyển số 0256 ngày 16/7/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Ông Lê Quang Th , Bà Hoàng Thị M phải liên đới chịu là 8.097.696 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013756, quyển số 0276 ngày 04/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Yến L không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện L có trách nhiệm trả lại cho Chị Nguyễn Thị Yến L số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do Bà Nguyễn Kim Ph nộp thay theo Biên lai thu tiền số 0005569 ngày 05 tháng 12 năm 2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- CCTHA dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, TNV, TDS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bình